

Số: 1733/QĐ-UBND

CÔNG VĂN ĐỀN

Số: 1774

Nam Định, ngày 01 tháng 8 năm 2017

Ngày: 03/08/2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trực Ninh,
tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về
lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về
Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về
việc Quy định về hồ sơ của đồ án và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch
đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ nông
nghiệp và PTNT về Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn
mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh
thông qua Quy hoạch vùng huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm
nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh
Nam Định về phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Nam Định đến năm
2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh
Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch xây dựng vùng
huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 72 /TTr-UBND ngày 5/6/2017 của UBND
huyện Trực Ninh, Tờ trình số 75/TTr-SXD ngày 24 / 7/2017 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trực Ninh, tỉnh Nam
Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích và thời hạn quy hoạch

1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch gồm toàn địa giới hành chính huyện Trực Ninh, bao gồm 21 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 2 Thị Trấn: Cổ Lễ, Cát Thành, 1 đô thị: Ninh Cường (Trực Phú) và 18 xã: Phương Định, Trực Chính, Trung Đông, Liêm Hải, Trực Tuấn, Việt Hùng, Trực Đạo, Trực Hưng, Trực Nội, Trực Thanh, Trực Khang, Trực Thuận, Trực Mỹ, Trực Đại, Trực Cường, Trực Thái, Trực Hùng, Trực Thắng, giới hạn bởi:

- + Phía Bắc giáp với tỉnh Thái Bình;
- + Phía Đông Bắc giáp huyện Xuân Trường;
- + Phía Tây và Tây Bắc giáp huyện Nghĩa Hưng, Nam Trực;
- + Phía Nam và Đông Nam giáp với huyện Hải Hậu.

1.2. Quy mô diện tích

- Gồm toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Trực Ninh: 143,9 km²

1.3. Thời hạn quy hoạch

- Ngắn hạn đến năm 2020; dài hạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

2. Tính chất vùng huyện

- Là một trong những trung tâm văn hóa, xã hội – kinh tế thuộc tỉnh Nam Định;
- Là vùng phát triển đa ngành, lấy công nghiệp và dịch vụ thương mại là hướng phát triển ưu tiên
- Là đầu mối giao thông quan trọng phía Đông Nam của tỉnh Nam Định kết nối với các vùng lân cận.

3. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng

3.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 12%/năm. Giai đoạn 2021-2030 tăng bình quân đạt 11-12%/năm, giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt khoảng 380 triệu đồng.

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế

- + Đến năm 2020: cơ cấu kinh tế gồm công nghiệp và xây dựng - dịch vụ - nông lâm thủy sản tương ứng là 55,5% - 27,5% - 17%

- + Đến năm 2030: cơ cấu kinh tế gồm công nghiệp và xây dựng - dịch vụ - nông lâm thủy sản tương ứng là 59% - 29% - 12%

- + Đến năm 2050: cơ cấu kinh tế gồm công nghiệp và xây dựng - dịch vụ - nông lâm thủy sản tương ứng là 55% - 35% - 10%.

3.2. Dự báo phát triển dân số, lao động

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2016-2020 là 0,9% (tỷ lệ tăng tự nhiên).
- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2021-2030 là 1,2% (bao gồm cả tăng tự nhiên và tăng cơ học)
- Dân số hiện trạng (2015): 178.103 người. Dân số năm 2020: 186.260 người, năm 2030 là 209.000 người
- Lao động: Dự kiến nguồn lao động chiếm 65% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%.

3.3. Dự báo sử dụng đất

3.3.1. Quan điểm chung

- Dành quỹ đất hợp lý để phát triển khu, cụm công nghiệp, các làng nghề truyền thống, phát triển các đô thị, các thị trấn. Đặc biệt là quỹ đất cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững lâu dài, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện.

- Phân bổ, sử dụng linh hoạt diện tích đất trồng lúa phù hợp theo từng giai đoạn phát triển đảm bảo an ninh lương thực. Khai thác sử dụng đất phải đi đôi bảo vệ môi trường, đảm bảo môi trường ổn định và bền vững.

3.3.2. Dự báo quy hoạch sử dụng đất

Bảng Định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ
Tổng diện tích tự nhiên	14.395,4	100
Đất nông nghiệp	9.095,4	63,2
Đất phi nông nghiệp	5.300	36,8
Đất chưa sử dụng	0	0

- Năm 2020:

+ Đất đô thị, nông thôn toàn huyện khoảng: 5.170ha.

+ Đất đô thị khoảng 2.070ha (bao gồm TT.Cô Lễ, TT.Cát Thành và TT.Ninh Cường). Trong đó, đất dân dụng khoảng 301ha; chỉ tiêu khoảng 85 m²/người.

+ Đất nông thôn khoảng 3.100 ha.

- Năm 2030:

+ Đất đô thị, nông thôn toàn huyện khoảng: 5.820ha.

+ Đất đô thị khoảng 2.670ha (bao gồm TT.Cô Lễ, TT.Cát Thành, TT.Ninh Cường và đô thị Trực Nộ). Trong đó, đất dân dụng khoảng 470ha; chỉ tiêu khoảng 90 m²/người.

+ Đất nông thôn khoảng 3.150ha.

3.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đảm bảo đáp ứng các quy định theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng.

4. Định hướng phát triển tổng thể không gian vùng

Tổ chức tổng thể không gian vùng huyện theo mô hình phát triển đa cực, trong đó lấy các đô thị trung tâm làm hạt nhân phát triển không gian vùng. Từ các đô thị trung tâm phát triển không gian ra các khu vực xung quanh.

Cụ thể đối với vùng huyện Trực Ninh: Phân làm 4 tiểu vùng phát triển không gian:

+ Không gian vùng Miền 1: Lấy TT. Cỗ Lễ làm hạt nhân phát triển, lan tỏa ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục QL21, trục TL487 và các trục huyện lộ).

+ Không gian vùng Miền 2: Lấy TT. Cát Thành làm hạt nhân phát triển, lan tỏa ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục TL488B và các trục huyện lộ).

+ Không gian vùng Miền 3: Lấy Đô thị Trực Nội làm hạt nhân phát triển, lan tỏa ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục QL21B, TL488B và các trục huyện lộ).

+ Không gian vùng Miền 4: Lấy TT. Ninh Cường làm hạt nhân phát triển, lan tỏa ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục QL37B, trục QL21 và các đường trục xã).

Bốn tiểu vùng trên kết nối với nhau bởi các tuyến giao thông quan trọng.

5. Định hướng phát triển các đô thị và điểm dân cư nông thôn

5.1. Định hướng phát triển các đô thị

- Dự báo tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn huyện đến năm 2030 đạt 25%.

- Giai đoạn đến năm 2020: có 3 đô thị loại V (TT. Cỗ Lễ, TT. Cát Thành, TT. Ninh Cường), trong đó nâng cấp Đô thị Ninh Cường lên thành TT. Ninh Cường.

- Giai đoạn 2021-2030: có 3 đô thị loại V, 1 đô thị loại IV. Cụ thể:

+ 3 đô thị loại V: TT. Cát Thành, TT. Ninh Cường, Đô thị Trực Nội, trong đó Đô thị Trực Nội được thành lập mới.

+ 1 đô thị loại IV: Mở rộng, nâng cấp TT.Cỗ Lễ lên thành đô thị loại IV.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Phát triển hệ thống đô thị theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại.

5.2. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn

- Thu hẹp dần độ chênh lệch giữa các vùng đô thị và nông thôn. Phấn đấu có 100% số xã, thị trấn và huyện Trực Ninh đạt chuẩn NTM trong năm 2017. Tiếp tục xây dựng NTM bền vững và phát triển.

- Tiếp tục xây dựng nông thôn mới bền vững, nâng cao chất lượng 19 tiêu chí xã và 9 tiêu chí huyện nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp.

6. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu

6.1. Định hướng phát triển nông – lâm – thủy sản

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa với tỷ trọng cao các sản phẩm chất lượng cao thông qua việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2030 đảm bảo ngành nông nghiệp của huyện phát triển bền vững trên cả 3 khía cạnh: Kinh tế - xã hội – môi trường.

- Tập trung khai thác hiệu quả các tiềm năng đất đai, lao động, đảm bảo an ninh lương thực; tăng nhanh khối lượng, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm nông sản, thực phẩm hàng hóa.

6.2. Phân bố không gian phát triển công nghiệp

- Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp – xây dựng, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động trong nông thôn.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề huyện có lợi thế: chế biến nông thuỷ sản, dệt may, da giày, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng. Củng cố và phát triển các làng nghề hiện có.

** Khu công nghiệp:*

- Giai đoạn 2021 – 2030: xây dựng khu công nghiệp Việt Hải với quy mô khoảng 100ha.

** Cụm công nghiệp*

Cập nhật theo điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 04/4/2017. Toàn huyện có 5 CCN: CCN TT.Cổ Lễ, CCN Trực Hùng, CCN TT. Cát Thành, CCN Trực Nội, CCN Trực Đại, tổng diện tích khoảng 127 ha.

6.3. Thương mại, dịch vụ

- Phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu,... phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phát triển thương mại rộng khắp theo hướng mở rộng quan hệ, gắn với thị trường trong và ngoài nước.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của các ngành du lịch, dịch vụ và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành dịch vụ.

7. Định hướng hệ thống các lĩnh vực, công trình hạ tầng xã hội

7.1. Hệ thống công trình giáo dục đào tạo

Đến năm 2020, 100% các cơ sở giáo dục đảm bảo diện tích đất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.2. Hệ thống công trình y tế, bảo vệ sức khỏe

- Nâng cao năng lực quản lý, thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu Quốc gia, các chương trình, mục tiêu của tỉnh;

- Xã hội hoá công tác y tế: Huy động sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

7.3. Văn hóa – Thể thao

- Trong năm 2017, 100% xã, thị trấn có khu văn hoá – thể thao đạt chuẩn NTM; 100% khu dân cư xây dựng Nhà văn hoá – khu thể thao xóm, diện tích tối thiểu 500m².

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Định hướng phát triển giao thông

8.1.1. Giao thông đường bộ

- Quốc lộ: Các tuyến Quốc lộ 21, Quốc lộ 21B, Quốc lộ 37B quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

- Tỉnh lộ: Các tuyến Tỉnh lộ 490C, Tỉnh lộ 487, Tỉnh lộ 488B quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

- Huyện lộ:

+ 4 tuyến Huyện lộ hiện có: Huyện lộ từ cầu Vô Tình đến cống Văn Lai;, Huyện lộ 53C, Huyện lộ Nam Ninh Hải, Huyện lộ Đại Hùng quy hoạch đảm bảo đường cấp IV đồng bằng.

+ 3 tuyến Huyện lộ quy hoạch mới: Huyện lộ ven sông Cỏ Lẽ - Bà Nữ, Huyện lộ Nam sông Sẻ, Huyện lộ Nam Thái – Trực Mỹ đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng.

8.1.2. Giao thông đường thuỷ

- Nạo vét, cải tạo sông, khơi thông dòng chảy phục vụ vận tải, tiêu lũ, tiêu úng. Xây dựng các cơ sở hạ tầng để liên kết vận tải thủy với vận tải đường bộ.

- Xây dựng để hòa vào mạng lưới trung chuyển hàng hóa sông Ninh Cơ khi dự án cửa Lạch Giang hoàn thành, phát triển và có thể giao lưu đường sông, thuận lợi với các tỉnh sâu trong nội địa.

8.1.3. Đất giao thông tĩnh

- Quy hoạch mở rộng bến xe khách trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn bến xe loại II.

- Quy hoạch mở rộng bến xe khách tại xã Trực Phú đạt tiêu chuẩn bến xe loại III.

8.2. Cấp nước

- Nguồn cấp nước: Kết hợp hình thức khai thác nước mặt gồm sông Hồng, sông Ninh Cơ và nước ngầm trong việc cung cấp nước trên địa bàn huyện.

Bảng dự báo nhu cầu dùng nước

STT	Năm	Nhu cầu dùng nước(m ³ /ng.đ)		Tổng nhu cầu (m ³ /ng.đ)
		Sinh hoạt, dịch vụ, thoát, yêu cầu NM	Công nghiệp	
1	Năm 2020	25.920	3.400	29.320
2	Năm 2030	29.100	13.050	42.150

8.3. Cấp điện

Dự báo đến năm 2020 nhu cầu công suất điện trên địa bàn huyện là Pmax = 46MW, đến năm 2030 Pmax = 93MW.

Trong cơ cấu tiêu thụ điện năng đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2030, điện dùng cho quản lý tiêu dùng dân cư và điện cho công nghiệp xây dựng chiếm tỷ lệ lớn nhất. Nhu cầu điện thương phẩm đến năm 2020 là 170 triệu kWh, đến năm 2030 là 399 triệu kWh.

8.4. Quy hoạch hệ thống thủy lợi

+ Đê kè: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục hoàn thành các dự án nâng cấp các tuyến đê sông. Thường xuyên kiểm tra các tuyến đê sông (sông Hồng, sông Ninh Cơ) để đảm bảo an toàn trong mọi điều kiện thời tiết.

+ Hệ thống các công trình thuỷ lợi:

- Xây dựng mới các công trình đầu mối tưới, tiêu chính theo hình thức kiên cố hóa và hiện đại. Cụ thể: Cống Lương Hàn, Cống Bà Nữ, Cống Phú An, Cống Văn Lai, Cống Sa Đê, Cống Đá

- Nâng cấp, xây mới trạm bơm: TB Rồng, TB Quý Ngoại

- Nạo vét, kiên cố hóa kênh mương: kênh Cổ Lễ - Cát Chử, kênh Cổ Lễ - Bà Nữ, kênh Sa Đê, kênh Rồng, kênh Quý Ngoại, kênh Phú An, kênh Lương Hàn, kè kênh Sẻ.

8.5. Quy hoạch thoát nước, quản lý CTR và nghĩa trang

* Thoát nước

Đảm bảo hệ thống thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải tại đô thị được xây dựng đồng bộ, đạt yêu cầu tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và phù hợp với quy hoạch đô thị; đảm bảo nước thải tại các bệnh viện, khu, cụm công nghiệp, làng nghề phải được xử lý đáp ứng đủ tiêu chuẩn trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

Hệ thống thoát nước đô thị phải được tách riêng hoặc nửa riêng, nửa chung để đảm bảo nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp được xử lý đạt tiêu

chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường. Đảm bảo tiêu thoát tốt, hạn chế tình trạng ngập lụt cục bộ do mưa hoặc triều cường.

Khai thông dòng chảy, nâng cấp các cửa thoát nước.

+ Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt: 100% tiêu chuẩn cấp nước.

+ Tiêu chuẩn nước thải sản xuất, đất CN: 80% tiêu chuẩn cấp nước

Bảng Dự báo tổng lượng nước thải

STT	Năm	Nhu cầu thoát nước(m ³ /ng.đ)		Tổng nhu cầu(m ³ /ng.đ)
		Sinh hoạt, dịch vụ	Công nghiệp	
1	Năm 2020	25.920	2.720	28.640
2	Năm 2030	29.100	10.440	39.540

* Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn

+ Định hướng quy hoạch khu xử lý chất thải rắn Việt Hùng – Liêm Hải tại xã Liêm Hải, xử lý CTR cho toàn huyện Trực Ninh với quy mô 10 ha.

+ Trước mắt CTR nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý tại KCN Hoà Xá

+ Các CTR công nghiệp thông thường và các CTR y tế trên địa bàn huyện sẽ được xử lý tại KXL CTR Việt Hùng – Liêm Hải.

* Nghĩa trang

Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn huyện được bố trí theo quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn được phê duyệt.

9. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường.

Thực hiện các giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường cụ thể trong từng giải pháp về tổ chức quản lý; bảo vệ môi trường nước ngầm; giải pháp bảo vệ môi trường đất; bảo vệ môi trường nước mặt; giải pháp bảo vệ môi trường không khí và giảm tiếng ồn; bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư

Danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư trong thời kỳ quy hoạch

STT	CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
1	Kiên cố hóa mặt đê sông Hồng, đê sông Ninh Cơ (các đoạn còn lại)
2	Kiên cố hóa kênh Cỗ Lẽ - Bà Nữ
3	Kiên cố hóa kênh Cỗ Lẽ - Cát Chử
4	Nâng cấp đường đồng kênh Cỗ Lẽ - Bà Nữ (từ thị trấn Cỗ Lẽ qua Trung Đông, Trực Chính, Trực Đạo về cầu chợ Giá)
5	Xây dựng đường Nam sông Sẻ
6	Xây dựng mới khu công viên văn hóa, thể thao
7	Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Việt Hải (quy mô 100ha)
8	Xây dựng cảng trên sông Hồng thuộc địa phận thị trấn Cỗ Lẽ
9	Xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung
10	Khu sản xuất và chế biến nông thủy sản, thực phẩm tại bãi sông Hồng xã Trực Chính
11	Đầu tư các dự án phục vụ xây dựng NTM: Xây dựng hoàn thiện 2 nhà máy nước Trực Phú, Trực Mỹ; nâng cấp hệ thống các chợ trên địa bàn huyện; nâng cấp hệ thống đường trực xã, thôn xóm, đường nội đồng theo tiêu chí xây dựng NTM; đầu tư nâng cấp hệ thống y tế tuyến xã; đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

(Chi tiết nội dung theo Hồ sơ bản vẽ và thuyết minh tổng hợp kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Trực Ninh:

- Công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt; quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định;

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; tổ chức rà soát việc lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch chung, phân khu, quy hoạch chi tiết, cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trực Ninh, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan để xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình và quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

2. Giao các Sở, ban, ngành của tỉnh các đơn vị liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trực Ninh được duyệt tại điều 1 theo quy định. Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện thuộc lĩnh vực của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Trực Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Vp1, Vp3, Vp5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

